

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **57** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng **01** năm **2018**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành  
Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

**CV  
ĐẾN**

Số:.....**418**.....  
Ngày: **10/12/18**  
Chủ đề:.....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 03/07/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 06/04/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 1128/BQLDDCN ngày 20/11/2017 về việc trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 256/BC-STC-ĐT ngày 18/12/2017 của Sở Tài chính Quảng Ngãi,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.**

- Tên công trình Đền tưởng niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư trước đây là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Địa điểm xây dựng: xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công tháng 09/2015 - hoàn thành tháng 03/2017.

## Điều 2. Kết quả đầu tư.

### 1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>13.979.617.303</b>	<b>13.296.388.000</b>	<b>+ 683.229.303</b>
- Vốn NSTW	5.200.000.000	5.200.000.000	0
- Vốn NS tỉnh	5.996.388.000	5.996.388.000	0
- Vốn NS huyện	2.783.229.303	2.100.000.000	+ 683.229.303

### 2. Chi phí đầu tư quyết toán:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>13.996.388.000</b>	<b>13.979.617.303</b>
- GPMB:	1.012.701.203	1.012.701.203
- Xây dựng:	8.362.503.874	8.349.903.000
- Thiết bị:	3.588.005.000	3.588.000.000
- Quản lý dự án:	267.017.302	267.017.000
- Tư vấn:	614.254.084	614.055.700
- Chi phí khác:	150.737.376	147.940.400
- Dự phòng:	1.169.161	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>0</b>		<b>13.979.617.303</b>	
1. Tài sản cố định	0		13.979.617.303	
2. Tài sản lưu động	0		0	

## Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư của công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>13.979.617.303</b>	
- Vốn NSTW	5.200.000.000	
- Vốn NS tỉnh	5.996.388.000	
- Vốn NS huyện	2.783.229.303	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó: - Nợ phải thu: 0 đồng

- Nợ phải trả: 683.229.303 đồng

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số II kèm theo)

- Nguồn vốn trả nợ công trình: Từ vốn ngân sách huyện Sơn Tịnh bổ sung 683.229.303 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tịnh	13.979.617.303	0

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 256/BC-STC-ĐT ngày 18/12/2017 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: C, PVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXthuy19



CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH

**Đặng Ngọc Dũng**

## PHỤ LỤC SỐ I

## BẢNG TÍNH CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Công trình: Xây dựng công niệm liệt sĩ huyện Sơn Tịnh

(Kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Đền bù GPMB	1.012.701.203	1.012.701.203	1.012.701.203	0	0
1	Đền bù trực tiếp	982.991.376	982.991.376	982.991.376	0	0
2	Phục vụ bồi thường	19.659.827	19.659.827	19.659.827	0	0
3	Đo đạc chỉnh lý bản đồ	10.050.000	10.050.000	10.050.000	0	0
II	Chi phí xây dựng	8.362.503.874	8.362.503.000	8.349.903.000	-12.600.874	-12.600.000
1	Phần xây lắp đền tưởng niệm chính	7.533.004.874	7.533.004.000	7.520.404.000	-12.600.874	-12.600.000
1.1	Hợp đồng ban đầu	7.448.246.000	7.007.233.000	6.994.633.000	-453.613.000	-12.600.000
1.2	Phát sinh tăng	525.770.381	525.771.000	525.771.000	619	0
1.3	Phát sinh giảm	-441.011.507	0	0	441.011.507	0
2	Di dời tuyến đường dây 22KV	829.499.000	829.499.000	829.499.000	0	0
III	Chi phí thiết bị	3.588.005.000	3.588.000.000	3.588.000.000	-5.000	0
IV	Chi phí quản lý dự án	267.017.302	267.017.000	267.017.000	-302	0
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	614.254.084	614.055.700	614.055.700	-198.384	0
1	Khảo sát địa chất, địa hình	82.339.000	82.339.000	82.339.000	0	0
2	Lập Báo cáo KTKT	270.435.798	270.436.000	270.436.000	202	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
3	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT	21.694.740	21.694.700	21.694.700	-40	0
4	Giám sát thi công xây dựng	239.784.546	239.586.000	239.586.000	-198.546	0
<b>VI</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>150.737.376</b>	<b>147.940.400</b>	<b>147.940.400</b>	<b>-2.796.976</b>	<b>0</b>
1	Chi phí thẩm định BCKTKT	4.963.280	2.167.000	2.167.000	-2.796.280	0
2	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC +DT	23.425.000	23.425.400	23.425.400	400	0
4	Chi phí bảo hiểm công trình	19.221.942	19.221.000	19.221.000	-942	0
5	Chi phí thẩm định giá	14.600.000	14.600.000	14.600.000	0	0
6	Chi phí thẩm tra quyết toán	88.527.154	88.527.000	88.527.000	-154	0
<b>VII</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>1.169.161</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-1.169.161</b>	<b>0</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>13.996.388.000</b>	<b>13.992.217.303</b>	<b>13.979.617.303</b>	<b>-16.770.697</b>	<b>-12.600.000</b>



PHỤ LỤC SỐ II

CÔNG NỢ

Công trình Đầu tư xây dựng liệt sĩ huyện Sơn Tịnh

(Kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		<b>Chi phí đền bù GPMB</b>	<b>1.012.701.203</b>	<b>1.012.701.203</b>	0	0
1	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Tịnh	Đền bù trực tiếp	982.991.376	982.991.376	0	0
2		Phục vụ đền bù	19.659.827	19.659.827	0	0
3	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Hưng An	Đo đạc chỉnh lý bản đồ	10.050.000	10.050.000	0	0
II		<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>8.349.903.000</b>	<b>7.845.611.697</b>	0	<b>504.291.303</b>
1	Liên danh Công ty TNHH Xây Lắp Phước Tiến và Công ty TNHH MTV Tây Ấn	Phần xây lắp đền tưởng niệm chính	7.520.404.000	7.016.112.697	0	504.291.303
2	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Hòa	Di dời tuyến đường dây 22KV	829.499.000	829.499.000	0	0
III		<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>3.588.000.000</b>	<b>3.588.000.000</b>	0	0
1	Công ty TNHH Xây lắp Phước Tiến	Cung cấp và lắp đặt thiết bị	1.233.000.000	1.233.000.000	0	0
2	Công ty TNHH Vạn Thành An		2.355.000.000	2.355.000.000	0	0
IV		<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>267.017.000</b>	<b>247.205.000</b>	0	<b>19.812.000</b>
1	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý dự án	267.017.000	247.205.000	0	19.812.000
V		<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>614.055.700</b>	<b>558.056.700</b>	0	<b>55.999.000</b>

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	Xí nghiệp tư vấn thiết kế II - Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng	Khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	331.802.000	298.621.000	0	33.181.000
2	Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp điện Á Châu	Khảo sát, thiết kế điện	20.973.000	20.973.000	0	0
3	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Công Bằng	Lập hồ sơ mẫu thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu	21.694.700	21.694.700	0	0
4	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu	Giám sát thi công, thiết bị	216.768.000	216.768.000	0	0
5	Công ty Điện lực Quảng Ngãi	Giám sát điện,	22.818.000	0	0	22.818.000
<b>VI</b>		<b>Chi phí khác</b>	<b>147.940.400</b>	<b>44.813.400</b>	<b>0</b>	<b>103.127.000</b>
1	Sở Xây dựng Quảng Ngãi	Thẩm định BCKTKT	2.167.000	2.167.000	0	0
2		Thẩm định TKBVTC	23.425.400	23.425.400	0	0
3	Công ty Bảo Minh Quảng Ngãi	Chi phí bảo hiểm công trình	16.761.000	16.761.000	0	0
4	Công ty Bảo việt Quảng Ngãi		2.460.000	2.460.000	0	0
5	Công ty TNHH thẩm định giá Năm Thành viên	Chi phí thẩm định giá	6.600.000	0	0	6.600.000
6	Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam		8.000.000	0	0	8.000.000
7	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	88.527.000	0	0	88.527.000
<b>VII</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>13.979.617.303</b>	<b>13.296.388.000</b>	<b>0</b>	<b>683.229.303</b>